

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2026/HS-PT

Ngày: 05-6-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Dung

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Thành

Ông Tôn Văn Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thu Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Ông Phan Minh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 78/2026/TLPT-HS ngày 08 tháng 5 năm 2026 đối với bị cáo Võ Văn T do có kháng cáo của bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Lê Văn T1 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 22/2026/HS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9-Vĩnh Long.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: Võ Văn T, sinh ngày 01/01/1976 tại Bến Tre (nay là tỉnh Vĩnh Long).

Nơi cư trú: số A ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là số 179/5 ấp Q, xã Q, tỉnh Vĩnh Long); nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn T2 (chết) và bà Cao Thị M (chết); vợ Phan Thị T3, bị cáo có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của bị hại có kháng cáo là: ông Lê Văn T1, sinh năm 1961. Nơi cư trú: ấp Q, xã Q, tỉnh Vĩnh Long. (Có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo T: Luật sư Trịnh Hữu B – Văn phòng L thuộc Đoàn luật sư Thành phố C. (Có mặt)

Ngoài ra, những người không có kháng cáo, không bị kháng nghị hoặc không có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị, tòa không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Võ Văn T có Giấy phép lái xe hạng A1 theo quy định. Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 11/11/2024, bị cáo T điều khiển xe mô tô hai bánh biển số 60Y2 - 2783 lưu thông trên Quốc lộ E hướng từ Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là xã Q, tỉnh Vĩnh Long) đi thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long) để mua đồ về sửa máy nổ cho khách. Đến khoảng 13 giờ 45 phút cùng ngày, khi đến Km77 + 700m thuộc ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long) là đoạn công trình đang thi công sửa chữa mặt đường, cách biển báo hiệu “Phía trước có công trình đang thi công” 120,4m có một chiếc xe lu rung đang thi công trên phần đường bên phải (theo hướng lưu thông của T) nên bị cáo T điều khiển xe mô tô sang trái để vượt qua chiếc xe lu rung thì va chạm với xe mô tô hai bánh gắn biển số 51K5-0618 do Lê Văn M1 (có Giấy phép lái xe hạng A1 theo quy định) điều khiển đang lưu thông theo hướng ngược lại gây tai nạn. Hậu quả, ông Lê Văn M1 bị thương nặng và chết trên đường đưa đi cấp cứu, bị cáo T bị thương nặng được đưa đến Trung tâm y tế huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là Trung tâm y tế K) cấp cứu và được chuyển đến Bệnh viện N1 điều trị.

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường hồi 14 giờ 30 phút ngày 11/11/2024, thể hiện: Hiện trường là đoạn đường thẳng (đang thi công sửa chữa mặt đường) tại Km77 + 700m thuộc ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long), nằm trong khu vực có hiệu lực của biển báo “Giao với đường không ưu tiên” (W.207) và biển báo hiệu phía trước có công trình đang thi công, mặt đường rộng 8m được trải đá lu phẳng, không có vạch kẻ đường, không có cọc tiêu. Hướng khám nghiệm từ bên xe T đi Ủy ban nhân dân xã Q và chọn mép đường bên phải theo hướng khám nghiệm làm đường chuẩn, chọn cọc H (H) phía bên trái làm điểm mốc, tất cả các dấu vết đều đo vào đường chuẩn, xác định:

- Xe mô tô biển số 60Y2-2783 ngã phải (ký hiệu số 1) nằm trên phần đường xe chạy; trực trước cách đường chuẩn 2,65m; trực sau cách đường chuẩn 3,2m.

- Vết cày thứ nhất (ký hiệu số 2) dạng đường thẳng liền nét dài 0,5m; nơi rộng 0,07m; nơi sâu nhất 0,01m; đầu vết cày cách đường chuẩn 3,15m; cuối vết cày cách đường chuẩn 2,95m và cách trực sau xe mô tô biển số 60Y2-2783 là 0,35m, cách trực trước xe mô tô biển số 60Y2-2783 là 3,15m.

- Vết cày thứ hai (ký hiệu số 3) dạng đường thẳng liền nét dài 0,6m; rộng nhất 0,09m; nơi sâu nhất 0,01m; đầu vết cày cách đường chuẩn 2,97m và cách đầu vết cày thứ nhất 3,3m; cuối vết cày cách đường chuẩn 3,15m.

- Vết cày thứ ba (ký hiệu số 4) dạng đường thẳng liền nét dài 0,5m; nơi rộng nhất 0,11m; nơi sâu nhất 0,01m; đầu vết cày cách đường chuẩn 3,23m và cách đầu vết cày thứ hai 0,5m; cuối vết cày cách đường chuẩn 3,45m.

- Vết cày thứ tư (ký hiệu số 5) dạng đường thẳng liền nét dài 0,15m; nơi rộng nhất 0,07m; nơi sâu nhất 0,01m; đầu vết cày cách đường chuẩn 3,4m và cách cuối vết cày thứ ba 2,53m; cuối vết cày cách đường chuẩn 3,48m.

- Vết cày thứ năm (ký hiệu số 6) dạng đường thẳng liền nét dài 0,4m; nơi rộng nhất 0,06m; nơi sâu nhất 0,01m; đầu vết cày cách đường chuẩn 3,08m và cách cuối vết cày thứ ba 2,64m; cuối vết cày cách đường chuẩn 3,23m.

- Vết cày thứ sáu (ký hiệu số 7) dạng đường cong liền nét dài 1,6m; nơi rộng nhất 0,03m; đầu vết cày cách đường chuẩn 2,95m và cách cuối vết cày thứ năm 0,6m và cách đầu vết cày thứ nhất 7,7m; cuối vết cày cách đường chuẩn 3,05m.

- Xe mô tô biển số 51k5-0618 ngã phải (ký hiệu số 8) nằm trên đường xe chạy; trực trước cách đường chuẩn 4,13m, cách đầu vết cày thứ sáu 1,35m và cách trực trước xe mô tô hai bánh biển số 60Y2-2783 là 10,3m; trực sau cách đường chuẩn 3,18m; cách đầu vết cày thứ sáu 1,5m và cách trực sau xe mô tô hai bánh biển số 60Y2-2783 là 9,8m.

- Vết màu nâu đỏ (nghĩ là máu) không rõ hình có kích thước 1,32m x 0,84m và cách đường chuẩn 3,93m; cách trực sau mô tô biển số 51k5-0618 là 5,9m; cách điểm mốc 17,4m; cách biển báo “Giao nhau với đường không ưu tiên” 34m; cách biển báo “Bắt đầu khu đông dân cư” là 114,4m; cách biển báo “Biển hiệu phía trước có công trường thi công” 120m.

- Xe máy chuyên dùng (xe lu rung hiệu DYNAPAC) tại hiện trường có kích thước (dài 6m, rộng 2,4m, cao 3m); tâm mặt ngoài bánh xe phía sau bên phải cách đường chuẩn 5,17m và cách đầu vết cày thứ nhất 3,6m; tâm mặt ngoài bánh xe phía trước bên phải cách đường chuẩn 5m và cách đầu vết cày thứ nhất 6,25m.

Vật chứng thu giữ tại hiện trường: 01 xe mô tô hai bánh gắn biển số 60Y2-2783, số máy: HC2E0207079, số khung: RLHHC12038Y108249 và 01 xe mô tô hai bánh gắn biển số 51K5-0618, số máy: JC43E1277353, số khung: RLHJC4314AY058820.

Kết quả khám nghiệm xe mô tô hai bánh mang biển số 60Y2-2783: Không có gương chiếu hậu bên phải, gương chiếu hậu bên trái chỉ có cần kim loại gắn gương; đầu tay cầm bên phải bị trầy xước, mài mòn, kích thước (0,02m x 0,03m); đầu tay phanh bị trầy xước mài mòn kim loại, kích thước (0,01m x

0,01m); ốc tại vị trí dùng để lắp gương chiếu hậu bên phải bị trầy xước, mài mòn, kích thước (0,01m x 0,01m); phanh chân bị trầy xước, mài mòn kim loại, kích thước (0,03m x 0,005m); gác chân máy bên phải bị trầy xước, mài mòn, rách phần cao su bảo vệ kích thước (0,03m x 0,02m) để lộ phần kim loại trầy xước, mài mòn kích thước (0,01m x 0,01m); cạnh cản phía sau bên phải bị trầy xước, mài mòn kích thước (0,07m x 0,03m). Máy xe hoạt động bình thường; đèn chiếu sáng phía trước, đèn tín hiệu phía sau hai bên còn hoạt động được; đèn tín hiệu phía trước hai bên không hoạt động được; còi hoạt động được; phanh sau hoạt động bình thường; phanh trước không hoạt động được; lốp xe còn hơi.

Kết quả khám nghiệm xe mô tô hai bánh biển số 51K5-0618: Không có gương chiếu hậu bên phải; gương chiếu hậu bên trái không có phần kính chỉ còn cần kim loại và ốp gắn; nắp trước tay lái bị gãy, vỡ, kích thước (0,5m x 0,2m); cụm đèn chiếu sáng, đèn tín hiệu phía trước bị gãy, vỡ rời khỏi vị trí ban đầu; vị trí để lắp gương chiếu hậu bên phải bị trầy xước, mài mòn, kích thước (0,015m x 0,01m); đầu tay phanh bị gãy rời khỏi vị trí ban đầu; tay cầm bên phải bị trầy xước, mài mòn, kích thước (0,02m x 0,03m); cạnh bên phải mặt nạ trước bị trầy xước, mài mòn, kích thước (0,15m x 0,02m); phanh chân bị trầy xước, mài mòn kim loại, kích thước (0,03m x 0,005m); gác chân máy bên phải bị cong từ trước về sau bị trầy xước, mài mòn, rách phần cao su bảo vệ kích thước (0,03m x 0,03m) để lộ lõi kim loại trầy xước, mài mòn kích thước (0,02m x 0,005m); ốp nhựa đèn tín hiệu phía trước bên phải bị vỡ, kích thước (0,18m x 0,6m); ốp cách nhiệt bộ phận giảm thanh, giảm khói có vết trầy xước, mài mòn, kích thước (0,45m x 0,03m); cạnh cản phía sau bên phải bị trầy xước, mài mòn kích thước (0,2m x 0,03m). Máy xe hoạt động bình thường; đèn chiếu sáng còn hoạt động được; đèn tín hiệu còn hoạt động được; còi không hoạt động được; phanh sau hoạt động bình thường; phanh trước đầu phanh tay bị gãy; lốp xe còn hơi.

Tại Kết luận giám định số: 7942/KL-KTHS ngày 03/01/2025 của P (Bộ C) tại Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận:

1. Dấu vết trượt xước, sạch bụi, in hằn các chi tiết phía trước bên trái xe mô tô biển số 60Y2 - 2783 (má bên trái bánh xe, mặt ngoài phía trước tay cầm lái) có chiều từ trước về sau, dấu vết bánh xe có chiều từ mặt lặn vào tâm bánh phù hợp với dấu vết trượt xước, sạch bụi, cong, nứt vỡ các chi tiết phía trước bên trái xe mô tô biển số 51K5 - 0618 (mặt ngoài phía trước cao su đỡ chân trước, ốp đầu xe, chân kính chiếu hậu) có chiều từ trước về sau.

1.1. Dấu vết trượt xước, cong các chi tiết bên phải xe mô tô biển số 60Y2 - 2783 (tay lái, tay phanh, cần đạp phanh, đỡ chân trước, tay nâng sau yên) có chiều từ trước về sau phù hợp va chạm với mặt đường.

1.2. Dấu vết trượt xước, cong, gãy vỡ các chi tiết bên phải xe mô tô biển số 51K5 - 0618 (ốp đầu xe, tay lái, tay phanh, mặt nạ, cần đạp phanh, đỡ chân

trước, để chân sau, ốp ống xả, tay nâng sau yên) có chiều từ trước về sau phù hợp va chạm với mặt đường.

2. Phía trước bên trái xe mô tô biển số 60Y2 - 2783 và phía trước bên trái xe mô tô biển số 51K5 - 0618 là vị trí va chạm đầu tiên; vị trí này chiều xuống mặt đường nằm ở giữa đầu vết cày số 2 và đầu vết cày số 3 thuộc chiều bên phải Quốc lộ E, hướng từ bên xe T đi Ủy ban nhân dân xã Q.

3. Khi xảy ra tai nạn giao thông xe mô tô biển số 51K5 - 0618 lưu thông trên chiều bên phải Quốc lộ E, hướng từ bên xe T đi Ủy ban nhân dân xã Q, xe mô tô biển số 60Y2 - 2783 lưu thông theo chiều ngược lại.

Tại Công văn số: 04/TTYT-KHNV ngày 31/12/2024 của Trung tâm Y tế huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là Trung tâm y tế K) xác định: Nồng độ cồn trong máu của Võ Văn T lúc vào viện ngày 11/11/2024 là 18 miligam/100 mililit. Trị số bình thường là 0 - 50 miligam/100 mililit. Bị cáo T khai nhận, khoảng 10 giờ ngày 10/11/2024 bị cáo đi sửa máy ngang nhà anh Trần Văn V ở ấp T, xã Q, tỉnh Vĩnh Long thì anh V rủ T vào uống rượu cùng với một số người bạn. Khi uống được khoảng 30 đến 04 ly rượu, T đi sửa máy cho khách rồi về nhà.

Tại Công văn số: 03/TTYT-KHNV ngày 31/12/2024 của Trung tâm Y tế huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là Trung tâm y tế K) xác định nồng độ cồn trong máu của Lê Văn M1 lúc vào viện lúc 14 giờ 14 phút, ngày 11/11/2024 là 343 miligam/100 mililit.

Tại Kết luận giám định tử thi số 159/KLGĐTT-KTHS ngày 25/11/2024 của Phòng K Công an tỉnh B (nay là Công an tỉnh V) đối với Lê Văn M1, xác định: Diện phù nề, sây sát, giập rách da vùng, kích thước 08cm x 05cm; máu loãng chảy ra từ tai trái; Giập, xuất huyết tổ chức dưới da vùng cằm tương ứng với diện phù nề bên ngoài; Vỡ xương hộp sọ vùng cằm- thái dương trái, kích thước 06cm x 01cm; Sung huyết màng cứng; Tụ máu dưới màng cứng hai bán cầu đại não; Xuất huyết lan tỏa dưới màng nhện hai bán cầu đại não; Giập nhu mô não thùy trán hai bên; Sung, xuất huyết diện cắt não; Vỡ nền sọ. Kết luận nguyên nhân chết: Nạn nhân Lê Văn M1 chết do chấn thương sọ não gây vỡ xương hộp sọ, xuất huyết, tụ máu nội sọ và giập nhu mô não.

Qua điều tra xác định xe mô tô gắn biển số 51K5-0618 đã thu giữ có số máy và số khung thực tế không trùng khớp với số máy, số khung xe mô tô biển số 51K5-0618; Kết luận giám định số 150/KL-KTHS-KV3 ngày 09/9/2025 của Phòng K Công an tỉnh V, kết luận đối với số khung, số máy của xe mô tô gắn biển số 51K5-0618 đã thu giữ như sau:

- Ký hiệu in chìm đóng trên khung xe: RLHJC4314AY058820 không thay đổi. Nền kim loại không phát hiện tẩy xóa, sửa chữa, đóng lại.

- Ký tự in chìm đóng trên máy xe: JC43E1277353 không thay đổi. Nền kim loại không phát hiện tẩy xóa, sửa chữa, đóng lại.

Kết quả tra cứu nguồn gốc xe mô tô có số máy JC43E1277353, số khung RLHJC4314AY058820 là xe mô tô biển số 67C1-622.90 do anh Nguyễn Thái N, sinh năm 1980, cư ngụ: Tổ A, ấp V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang (nay là ấp V, xã V, tỉnh An Giang). Qua làm việc, anh N xác định xe đã bán cho người khác. Bà Lê Thị M2 (em ruột của bị hại Lê Văn M1) trình bày: khi đi làm thuê ở Thành phố Hồ Chí Minh bà có mua chiếc xe mô tô gắn biển số 51K5-0618 của một người đàn ông (không rõ tên và địa chỉ) với giá 1.500.000 đồng và không có giấy chứng nhận đăng ký xe, sau đó mang về cho anh ruột là Lê Văn M1 cách ngày bị tai nạn khoảng 06 năm. Qua tra cứu xác định các xe mô tô nêu trên không nằm trong danh mục xe vật chứng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho Lê Văn T1 (cha ruột Lê Văn M1) 01 xe mô tô hai bánh có số khung RLHJC4314AY058820, số máy JC43E1277353 và trả lại cho bị cáo T xe mô tô hai bánh biển số 60Y2 - 2783. Tiếp tục tạm giữ biển số 51K5-0618.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 22/2026/HS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Võ Văn T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Võ Văn T 01 (Một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo quy định của pháp luật.

Ngày 09 tháng 4 năm 2026 bị cáo Võ Văn T có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo hưởng án treo.

Ngày 13 tháng 4 năm 2026 người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Lê Văn T1 có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm cho bị cáo T hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo giữ nguyên kháng cáo xin được hưởng án treo, do bị cáo là lao động chính trong gia đình, bị cáo đã cố gắng bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của gia đình bị hại, đại diện bị hại cũng có đơn xin cho bị cáo hưởng án treo và khi tai nạn xảy ra bị cáo cũng bị gãy chân chữa trị đến nay chưa khỏi.

Người đại diện hợp pháp của bị hại ông Lê Văn T1 trình bày: Bị cáo đã biết lỗi, sau khi tai nạn xảy ra bị cáo cũng đã nhiều lần gặp gia đình bị hại để thăm hỏi và bồi thường một phần thiệt hại, hiện hoàn cảnh của bị cáo đang khó

khẩn nên xin cho bị cáo hưởng án treo để bị cáo tiếp tục cấp dưỡng cho con của bị hại.

Luật sư Trịnh Hữu B là người bào chữa cho bị cáo T trình bày: Thống nhất quan điểm Kiểm sát viên đề nghị cho bị cáo hưởng án treo. Về tội danh, Luật sư thống nhất tội danh của bị cáo là “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, không thống nhất Cáo trạng truy tố bị cáo tội danh trên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự. Hồ sơ vụ án thể hiện và lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo trình bày trưa ngày 10/11/2024 bị cáo có uống 1-2 ly rượu nhưng ngày 11/11/2024 bị cáo ý thức có tham gia giao thông nên không sử dụng rượu bia. Các văn bản của cơ quan y tế cũng kết luận nồng độ cồn trong máu bị cáo không xác định được do sử dụng rượu bia hay do chuyển hóa thức ăn và nồng độ cồn trong máu đo bằng đơn vị miligam/100mililit, trị số bình thường là 0-50miligam/100mililit; nồng độ cồn trong máu đo bằng đơn vị mmol/l: trị số bình thường là <10.9mmol/l. Với kết quả 18miligam/100mililit thì tương đương 3.9mmol/l là trong mức bình thường. Tại Công văn 250 của Tòa án nhân dân tối cao có hướng dẫn trường hợp không xác định được bị cáo sử dụng rượu bia thì không áp dụng tình tiết có sử dụng rượu bia. Như vậy, chưa đủ căn cứ xác định bị cáo có sử dụng rượu bia trước khi tham gia giao thông nên không đủ căn cứ áp dụng điểm b khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự. Hơn nữa Kết luận điều tra cũng xác định bị cáo phạm tội quy định tại khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự, bị cáo chỉ có một hành vi vượt trái không chú ý quan sát. Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội với lỗi vô ý, bị hại có một phần lỗi có sử dụng cồn vượt mức quy định, nguyên nhân phạm tội có yếu tố khách quan do đoạn đường xảy ra tai nạn đang sửa chữa nên các phương tiện đều di chuyển qua trái. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các khoản 1,2,3 Điều 54 Bộ luật Hình sự sửa bản án sơ thẩm cho bị cáo mức án cải tạo không giam giữ, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, bị hại và đề nghị của Kiểm sát viên.

Dại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Võ Văn T. Sửa Bản án sơ thẩm số 22/2026/HS-ST ngày 30/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9 -Vĩnh Long về áp dụng hình phạt.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Võ Văn T 01 (một) năm tù, về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm.

Các nội dung khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Lời nói sau cùng của bị cáo Võ Văn T xin cho bị cáo hưởng án treo do bị cáo còn đang chữa trị chân bị thương chưa khỏi và hoàn cảnh bị cáo khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Võ Văn T và người đại diện hợp pháp của bị hại ông Lê Văn T1 nộp trong hạn luật định là hợp lệ, phù hợp quy định Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm, phù hợp lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, tại cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của người đại diện hợp pháp của bị hại, người làm chứng; cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Vào khoảng 13 giờ 45 phút ngày 11/11/2024 tại Km77 + 700m thuộc ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long), bị cáo Võ Văn T điều khiển xe mô tô biển số 60Y2 - 2783 tham gia giao thông đã lấn trái và vượt xe không đảm bảo an toàn, vi phạm khoản 1 Điều 9; khoản 2 Điều 14; điểm c khoản 2 Điều 17 Luật giao thông đường bộ năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2019 dẫn đến va chạm với xe mô tô hai bánh gắn biển số 51K5-0618 do bị hại Lê Văn M1 đang điều khiển lưu thông theo hướng ngược lại gây tai nạn. Hậu quả làm anh Lê Văn M1 tử vong. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Võ Văn T phạm tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại Điều 260 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm thể hiện bị cáo có sử dụng rượu vào buổi sáng ngày 10/11/2024, trước thời điểm xảy ra tai nạn vào lúc 13 giờ 30 ngày 11/11/2024 là quá một ngày (24 giờ), các văn bản của cơ quan y tế cũng kết luận nồng độ cồn 18miligam/100mililit trong máu của bị cáo không xác định được do bị cáo sử dụng bia rượu hay do chuyển hóa thừa ăn nên không đủ căn cứ xác định trước khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông và xảy ra tai nạn bị cáo có sử dụng rượu bia, do đó theo hướng dẫn tại mục 3 Phần I Công văn số 250/TANDTC-PC ngày 28/4/2026 của Tòa án nhân dân tối cao, không đủ căn cứ áp dụng tình tiết phạm tội quy định tại điểm b khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025 đối

với bị cáo T. Vì vậy, Hội đồng xét xử kết luận hành vi phạm tội của bị cáo T được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự an toàn giao thông, gây thiệt hại tính mạng của bị hại. Khi bị cáo tham gia giao thông không tuân thủ đi đúng phần đường quy định, chủ quan vượt xe không chú ý quan sát dẫn đến tai nạn làm cho bị hại tử vong. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm về hành vi phạm tội của bị cáo gây ra nhằm răn đe giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Xét kháng cáo xin cho bị cáo hưởng án treo của bị cáo T và ông T1, Hội đồng xét xử nhận thấy: Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo và đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện khắc phục hậu quả cho bị hại, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Mặc dù hành vi phạm tội của bị cáo bị xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự có mức khung hình phạt từ 01 năm đến 05 năm tù nhưng xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo mức án 01 tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và phù hợp với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới. Xét kháng cáo của bị cáo T và ông T1 không có căn cứ để chấp nhận. Vì vậy, giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm như đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị.

[5] Phát biểu bào chữa của Luật sư đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự đối với hành vi phạm tội của bị cáo phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận; đề nghị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ hoặc cho bị cáo hưởng án treo không có căn cứ chấp nhận.

[6] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên không phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

[7] Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm b khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Văn T và người đại diện hợp pháp của bị hại ông Lê Văn T1.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 22/2026/HS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9-Vĩnh Long về áp dụng điểm, khoản của điều luật.

2. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Võ Văn T 01 (một) năm tù, về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

3. Án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Võ Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I -TANDTC: 02;
- VKSNDTC (Vụ 7): 01;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- TAND khu vực 9-Vĩnh Long: 02;
- VKSND khu vực 9-Vĩnh Long: 01;
- Phòng THADS khu vực 9-Vĩnh Long: 01;
- Bị cáo: 01;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Công an xã Quới Điền: 04;
- Lưu Văn phòng: 01;
- Phòng GDKT,TT&THA tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 02.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Võ Thị Mỹ Dung